TỈNH UỶ LÀO CAI * Số 105 -CTr/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Lào Cai, ngày 30 tháng 8 năm 2026*

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

---

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (gọi tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW). Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc; xác định xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị.

- Cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW thành các nhiệm vụ phù hợp với vị trí, tiềm năng, lợi thế và điều kiện thực tiễn của tỉnh Lào Cai; phát huy vai trò của tỉnh biên giới, cửa ngõ giao thương quốc tế, đầu mối trung chuyển hàng hóa trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, đóng góp thiết thực vào quá trình mở rộng không gian phát triển quốc gia hướng ra biển.

- Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thương mại, logistics, cửa khẩu, khu, cụm công nghiệp, chuỗi cung ứng lạnh và công nghiệp chế biến; tăng cường liên kết với các tỉnh, thành phố ven biển, nhất là thành phố Hải Phòng và tỉnh

Quảng Ninh, đưa Lào Cai trở thành hậu phương logistics, trung tâm tập kết, phân phối và trung chuyển hàng hóa quan trọng kết nối vùng Tây Nam Trung Quốc, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với các cảng biển quốc tế phía Bắc.

- Gắn phát triển kinh tế, thương mại và logistics hướng biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, hệ sinh thái lưu vực sông; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và bảo đảm phát triển nhanh, xanh, bền vững.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ của trung ương; đồng thời có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện của tỉnh không có biển nhưng giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong kết nối liên vùng, liên quốc gia và kết nối ra biển.

- Xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ, nguồn lực, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của người đứng đầu. Các nhiệm vụ phải được tích hợp vào chương trình công tác toàn khóa, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách hằng năm và các chương trình, đề án của tỉnh.

- Phân công nhiệm vụ theo phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả"; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua sản phẩm cụ thể và tác động thực chất đối với phát triển kinh tế - xã hội, doanh nghiệp và người dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát huy nội lực của tỉnh với tranh thủ nguồn lực của trung ương, nguồn vốn ngoài ngân sách, hợp tác công tư, đầu tư của doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

3. Quan điểm

- Quán triệt đầy đủ quan điểm của Nghị quyết số 20-NQ/TW, mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia biển mạnh; nhận thức đầy đủ rằng phát triển kinh tế biển không chỉ giới hạn ở các địa phương ven biển, mà là chiến lược tổng thể, toàn diện của toàn Đảng, toàn dân, có sự tham gia gắn kết hữu cơ của vùng nội địa và biên cương quốc gia.

- Chuyển đổi mạnh mẽ tư duy từ quản lý biên giới thuần túy sang phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với kinh tế biển. Khai thác tối đa lợi thế hành lang kinh tế kết nối vùng Tây Nam Trung Quốc qua cửa khẩu Lào Cai tới các cảng biển lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh.

- Tập trung nguồn lực xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm logistics dịch vụ hậu cần biển tầm cỡ quốc tế trên đất liền. Phát triển hệ thống cảng cạn (ICD), kho bãi thông minh, đẩy mạnh thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, tạo mạng lưới trung chuyển, luân chuyển nhanh nông - thủy - hải sản từ các vùng biển Việt Nam ra quốc tế.

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc phát triển nhanh nhưng bền vững, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo tồn bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng "*xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc*".

- Nâng cao trách nhiệm quốc gia đối với biển đảo thông qua việc bảo vệ và phát triển rừng; kiểm soát và bảo vệ nghiêm ngặt an ninh nguồn nước, hệ sinh thái lưu vực sông Hồng và sông Chảy trước khi đổ ra biển. Kiểm soát chặt chẽ nước thải công nghiệp, rác thải nhựa ngay từ đầu nguồn để bảo vệ môi trường biển vững bền.

- Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh tại vùng biên cương đất liền, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và hợp tác phát triển. Coi việc giữ vững ổn định và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vùng biên giới là nhiệm vụ trọng yếu để tạo hậu phương chiến lược vững chắc, giảm bớt áp lực an ninh biên cương, tạo điều kiện thuận lợi nhất để đất nước tập trung nguồn lực đột phá phát triển kinh tế biển ở tuyến đầu.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới, tạo bước đột phá xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo hướng ***"xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc"*** gắn với mục tiêu ***"Giữ biên giới, giữ dân, giữ rừng, giữ nước, giữ môi trường"*** đóng góp tích cực, trách nhiệm, hiệu quả trong xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

- Xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm logistics, trung chuyển hàng hóa và dịch vụ xuất nhập khẩu quan trọng trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; nâng cao năng lực vận tải đường sắt, đường bộ, cảng cạn, kho bãi và chuỗi cung ứng lạnh; tạo điều kiện để hàng hóa của tỉnh, của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Tây Nam Trung Quốc và các nước ASEAN tiếp cận thuận lợi các cảng biển quốc tế. Từng bước hình thành hệ sinh thái kinh tế, thương mại và logistics hướng biển hiện đại, xanh, thông minh, kết nối đồng bộ với các trung tâm kinh tế, cảng biển, cảng hàng không và khu kinh tế ven biển phía Bắc.

- Phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp chế biến, thương mại, du lịch và kinh tế số gắn với không gian kinh tế biển; bảo đảm quản lý chặt chẽ tài nguyên, môi trường và lưu vực sông; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo và biên giới quốc gia.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030

2.1. Về kinh tế: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt từ 10%/năm trở lên. Cơ cấu GRDP: Công nghiệp - Xây dựng khoảng 43,5%; dịch vụ khoảng 37,5%; nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 12,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 6,6%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 136 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 70 triệu đồng. Tốc độ tăng năng suất lao động tăng bình quân trên 6,5%/năm. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 42%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 38%. Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 20% GRDP. Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) thuộc nhóm khá của cả nước. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 12%/năm *(có phụ biểu số 01 chi tiết kèm theo).*

2.2. Về quy hoạch và không gian phát triển

- Rà soát, cập nhật, tích hợp các nội dung liên quan đến hành lang kinh tế, hạ tầng giao thông, logistics, thương mại, công nghiệp, du lịch, tài nguyên nước, môi trường và liên kết với các địa phương ven biển vào Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Hình thành không gian phát triển kinh tế, thương mại và logistics liên hoàn từ cửa khẩu, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa của tỉnh đến các trung tâm logistics, ga đường sắt, cảng cạn và cảng biển phía Bắc.

2.3. Về hạ tầng và logistics

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương và các địa phương liên quan đẩy nhanh tiến độ đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; nâng cao năng lực tuyến đường sắt liên vận quốc tế, hệ thống đường bộ cao tốc và các tuyến giao thông kết nối cửa khẩu, khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng cạn và trung tâm logistics.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng cửa khẩu, kho bãi, cảng cạn, trung tâm logistics, trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm, chiếu xạ, bảo quản và chuỗi cung ứng lạnh; tăng khả năng gom hàng, phân phối hàng và vận tải đa phương thức.

- Xây dựng, vận hành hệ thống logistics số và cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối hoạt động cửa khẩu, hải quan, vận tải đường bộ, đường sắt, kho bãi, cảng cạn và các cảng biển.

2.4. Về thương mại, công nghiệp và doanh nghiệp

- Tăng cường thu hút doanh nghiệp có năng lực, công nghệ và mạng lưới quốc tế đầu tư vào logistics, công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp phụ trợ, thương mại điện tử xuyên biên giới, kho lạnh và dịch vụ xuất nhập khẩu.

- Phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa hai chiều, kết nối sản phẩm nông, lâm nghiệp, công nghiệp, hàng hóa xuất nhập khẩu của Lào Cai và các địa phương trong vùng với các cảng biển, thị trường quốc tế và vùng Tây Nam Trung Quốc.

- Khuyến khích hình thành doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp dịch vụ có quy mô, năng lực cạnh tranh cao; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng liên vùng, xuyên biên giới và chuỗi giá trị kinh tế biển.

2.5. Về khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật, công nghệ chuỗi khối và các nền tảng số trong quản lý cửa khẩu, truy xuất nguồn gốc, điều phối phương tiện, quản lý kho bãi và chuỗi cung ứng.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về logistics, vận tải đa phương thức, đường sắt, thương mại quốc tế, ngoại ngữ, hải quan, quản trị chuỗi cung ứng, môi trường và kinh tế xanh.

2.6. Về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; bảo vệ chất lượng nước, môi trường và hệ sinh thái các lưu vực sông Hồng, sông Chảy và các lưu vực sông liên tỉnh, liên quốc gia.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn thải từ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, công nghiệp, đô thị, nông nghiệp và dịch vụ; tăng cường quan trắc, cảnh báo, chia sẻ dữ liệu và phòng ngừa sự cố môi trường có nguy cơ tác động đến vùng hạ lưu và môi trường biển.

2.7. Về văn hóa, xã hội và du lịch

- Bồi đắp ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với biển, đảo; phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn ra biển lớn và trách nhiệm bảo vệ chủ quyền quốc gia.

- Phát triển các sản phẩm, tuyến du lịch liên vùng kết nối Lào Cai, vùng Tây Bắc với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và các địa phương ven biển; hình thành sản phẩm du lịch liên kết "từ núi rừng đến biển đảo", góp phần kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao giá trị chi tiêu của khách du lịch.

2.8. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh nguồn nước, an ninh môi trường, an ninh mạng và an toàn các công trình hạ tầng chiến lược.

- Không để địa bàn tỉnh trở thành nơi trung chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật, hàng hóa không rõ nguồn gốc, thủy sản khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tăng cường phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và tội phạm xuyên quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Các nhiệm vụ cần làm ngay trong năm 2026

Các nhiệm vụ cần làm ngay trong năm 2026 được xác định tại Phụ lục 2 kèm theo Chương trình hành động; tổ chức thực hiện theo tiến độ, trách nhiệm và yêu cầu đề ra đối với từng nhiệm vụ, *(có biểu phụ lục số 02 chi tiết kèm theo).*

2. Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình đến năm 2030

Các nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình đến năm 2030 được xác định tại Phụ lục 2 kèm theo Chương trình hành động; tổ chức thực hiện theo tiến độ, trách nhiệm và yêu cầu đề ra đối với từng nhiệm vụ, *(có phụ biểu số 02 chi tiết kèm theo).*

3. Nhiệm vụ thường xuyên

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về xây dựng, phát triển quốc gia biển mạnh

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về biển, đảo; làm rõ mối quan hệ giữa phát triển vùng biên giới, hành lang kinh tế, hạ tầng logistics với phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Khắc phục nhận thức cho rằng nhiệm vụ xây dựng quốc gia biển mạnh chỉ thuộc trách nhiệm của các địa phương ven biển.

- Nghiên cứu đưa kết quả thực hiện Nghị quyết vào nội dung kiểm điểm, đánh giá hằng năm đối với cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Tăng cường đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc về chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; chủ động cung cấp thông tin chính thống, chính xác, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng.

3.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; đổi mới công tác quy hoạch và tổ chức không gian phát triển hướng ra biển

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan, bảo đảm phù hợp với không gian phát triển của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính và gắn kết chặt chẽ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch mạng lưới đường sắt, đường bộ, cảng cạn, logistics, cửa khẩu và cảng biển.

- Thường xuyên nghiên cứu, đề xuất trung ương ban hành hoặc cho phép thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển khu kinh tế cửa khẩu, khu hợp tác kinh tế qua biên giới, cửa khẩu thông minh, trung tâm logistics, cảng cạn, vận tải đường sắt liên vận quốc tế và thương mại điện tử xuyên biên giới.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, hải quan, kiểm dịch, kiểm tra chuyên ngành; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh cộng đồng doanh nghiệp

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư công cho các công trình trọng điểm có tính liên kết vùng, tạo động lực lan tỏa, trực tiếp nâng cao năng lực kết nối cửa khẩu, khu kinh tế, khu công nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa với đường cao tốc, đường sắt, cảng cạn, trung tâm logistics và cảng biển.

- Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; ưu tiên công trình có khả năng hoàn thành sớm, phát huy ngay hiệu quả, thu hút đầu tư tư nhân và tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực; khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng, xã

hội hóa dịch vụ logistics, kho bãi, kiểm định, kiểm nghiệm, bảo quản, chuỗi cung ứng lạnh và nền tảng số.

- Thường xuyên nghiên cứu, xây dựng danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư trong lĩnh vực logistics, cảng cạn, kho lạnh, chế biến sâu, vận tải đa phương thức, thương mại điện tử, công nghiệp xanh và dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp Lào Cai với doanh nghiệp tại Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, các tỉnh trong vùng và doanh nghiệp nước ngoài; hình thành mạng lưới cung ứng, phân phối và dịch vụ logistics ổn định, lâu dài.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu logistics, thương mại và xuất nhập khẩu của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, cửa khẩu, hải quan, doanh nghiệp vận tải, kho bãi, đường sắt, cảng cạn và cảng biển.

- Đẩy mạnh triển khai cửa khẩu thông minh, quản lý phương tiện và hàng hóa theo thời gian thực; số hóa chứng từ, quy trình xuất nhập khẩu; ứng dụng công nghệ trong dự báo lưu lượng hàng hóa, điều tiết phương tiện, cảnh báo ùn tắc và tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng quản lý vận tải, quản lý kho, truy xuất nguồn gốc, hợp đồng điện tử, thanh toán số và thương mại điện tử xuyên biên giới.

- Tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và các địa phương có thế mạnh về cảng biển, logistics, hàng hải để đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Đổi mới chương trình đào tạo nghề, đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động; chú trọng các ngành logistics, đường sắt, vận tải đa phương thức, cơ khí, điện - tự động hóa, ngoại ngữ, thương mại quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng, công nghệ thông tin và môi trường.

- Nghiên cứu, tăng cường ban hành chính sách thu hút, sử dụng và phát huy chuyên gia, nhân lực chất lượng cao; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo theo nhu cầu thực tế và cam kết sử dụng lao động sau đào tạo.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.5. Đột phá phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp và các ngành kinh tế gắn với không gian biển

- Đẩy mạnh, phát triển Lào Cai thành trung tâm tập kết, phân phối và trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; xây dựng các chuỗi cung ứng ổn định kết nối vùng nguyên liệu, khu sản xuất, cửa khẩu với cảng biển và thị trường quốc tế.

- Đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch; mở rộng thị trường, mặt hàng và đối tác xuất nhập khẩu; nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, hội chợ, triển lãm và giao thương quốc tế.

- Phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số, hệ thống phân phối trong nước và quốc tế.

- Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu mới và công nghiệp phụ trợ; ưu tiên dự án sử dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, có khả năng tham gia chuỗi cung ứng quốc tế và các ngành kinh tế biển.

- Phát triển dịch vụ tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, kiểm định, kiểm nghiệm, giám định, hải quan, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa, tư vấn pháp lý và các dịch vụ hỗ trợ thương mại quốc tế.

- Tổ chức các chuỗi cung ứng thủy sản, thực phẩm đông lạnh và hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt; bảo đảm kiểm dịch, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tuân thủ quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.6. Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, logistics và mở rộng không gian kết nối ra biển

- Thường xuyên phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan đẩy nhanh tiến độ đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; chủ động chuẩn bị mặt bằng, tái định cư, nguồn vật liệu và các điều kiện cần thiết đối với đoạn tuyến đi qua địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu phương án kết nối hiệu quả tuyến đường sắt mới với ga quốc tế Lào Cai, các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, trung tâm logistics, cảng cạn và mạng lưới đường sắt phía Trung Quốc.

- Nâng cấp, mở rộng và khai thác hiệu quả tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai, các quốc lộ, đường tỉnh và đường kết nối cửa khẩu, khu kinh tế, khu công nghiệp, vùng sản xuất tập trung với hệ thống giao thông quốc gia.

- Nghiên cứu đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu, khu vực Kim Thành, Bản Vược và các khu vực cửa khẩu, lối mở theo quy hoạch; nâng cao năng lực thông quan, kiểm tra, kiểm soát và tiếp nhận hàng hóa.

- Phát triển hệ thống trung tâm logistics, cảng cạn, ga hàng hóa, kho ngoại quan, kho lạnh, bãi đỗ xe, trung tâm phân phối và các dịch vụ hỗ trợ; nâng cao khả năng kết nối giữa đường bộ, đường sắt và đường biển.

- Ưu tiên vận tải đường sắt đối với hàng hóa khối lượng lớn, hàng rời, khoáng sản đã qua chế biến, nông sản, hàng đông lạnh và hàng quá cảnh; từng bước chuyển dịch cơ cấu vận tải theo hướng xanh, an toàn, tiết kiệm chi phí và giảm phát thải.

- Tăng cường phối hợp với Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội và các địa phương trên hành lang kinh tế để thống nhất quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế chia sẻ dữ liệu, điều phối vận tải và xử lý các điểm nghẽn trong lưu thông hàng hóa.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.7. Bảo vệ môi trường, tài nguyên nước và hệ sinh thái; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông; tăng cường điều tra, đánh giá, kiểm kê, quan trắc và xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, chất lượng nước, nguồn thải và các khu vực có nguy cơ ô nhiễm.

- Kiểm soát chặt chẽ nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại từ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, cơ sở y tế, chăn nuôi và hoạt động dịch vụ.

- Tăng cường công tác giám sát, yêu cầu các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm cao phải lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục và truyền dữ liệu về cơ quan quản lý; xử lý nghiêm hành vi xả thải trái pháp luật, gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi rừng đầu nguồn, hệ sinh thái tự nhiên, hành lang bảo vệ nguồn nước; phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, nâng cao khả năng hấp thụ các-bon và giảm nguy cơ lũ quét, sạt lở đất.

- Triển khai hiệu quả các chương trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, cháy rừng và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Thúc đẩy mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn; giảm sử dụng nhựa dùng một lần; tăng cường phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế chất thải nhựa và chất ô nhiễm theo lưu vực sông đi ra biển.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin với các tỉnh, thành phố hạ lưu lưu vực sông và phía Trung Quốc trong quản lý nguồn nước, cảnh báo thiên tai, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường xuyên biên giới.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng.

3.8. Phát triển văn hóa, xã hội, du lịch và nâng cao đời sống Nhân dân gắn với xây dựng quốc gia biển mạnh

- Tăng cường giáo dục truyền thống lịch sử, lòng yêu nước, tình yêu biển, đảo và trách nhiệm bảo vệ chủ quyền quốc gia; tổ chức các hoạt động hướng về biển, đảo, lực lượng làm nhiệm vụ trên biển và ngư dân.

- Nghiên cứu đưa nội dung giáo dục về biển, đảo, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, phát triển bền vững và trách nhiệm công dân vào hoạt động giáo dục, đào tạo phù hợp với từng cấp học.

- Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật, báo chí, truyền thông và các thiết chế văn hóa trong lan tỏa khát vọng phát triển đất nước hướng ra biển; đấu tranh với tư tưởng thờ ơ, nhận thức phiến diện về trách nhiệm bảo vệ biển, đảo.

- Đẩy mạnh phát triển các tuyến du lịch liên vùng kết nối Sa Pa, Y Tý, Bắc Hà, Mù Cang Chải, Nghĩa Lộ và các khu, điểm du lịch của tỉnh với Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long, Cát Bà và các điểm đến ven biển.

- Tăng cường hợp tác phát triển sản phẩm du lịch đường sắt, du lịch cửa khẩu, du lịch caravan, du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm; kết nối thị trường khách Trung Quốc với các địa phương ven biển Việt Nam thông qua cửa khẩu Lào Cai.

- Quan tâm bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân tại các khu vực thực hiện dự án hạ tầng lớn; thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bảo đảm người dân có điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng.

3.9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững chắc.

- Bảo vệ an toàn tuyệt đối các công trình giao thông, đường sắt, cửa khẩu, trung tâm logistics, kho ngoại quan, cảng cạn, khu công nghiệp, hệ thống năng lượng, viễn thông và cơ sở dữ liệu quan trọng.

- Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động lợi dụng đầu tư, thương mại, logistics và hợp tác quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia, chuyển giá, buôn lậu, gian lận thương mại, rửa tiền, vận chuyển hàng cấm và tội phạm xuyên quốc gia.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát nguồn gốc hàng hóa, đặc biệt là thủy sản, động vật hoang dã, lâm sản, khoáng sản và hàng hóa có nguy cơ gian lận xuất xứ; không để Lào Cai trở thành địa bàn hợp thức hóa hoặc trung chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật quốc tế.

- Nghiên cứu đẩy mạnh đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân; tăng cường hợp tác với tỉnh Vân Nam và các địa phương của Trung Quốc trong phát triển giao thông, logistics, thương mại, du lịch, quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và phòng, chống tội phạm xuyên biên giới.

- Mở rộng hợp tác với Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong nước; chủ động tham gia các cơ chế hợp tác hành lang kinh tế, hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng và các chương trình hợp tác quốc tế phù hợp.

- Tăng cường trao đổi kinh nghiệm, thu hút nguồn lực, công nghệ và mô hình quản trị tiên tiến trong logistics xanh, cửa khẩu thông minh, vận tải đường sắt, quản lý lưu vực sông và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng

- Tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Chương trình hành

động này thông qua các chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tiễn của từng địa phương, đơn vị.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình vào nghị quyết, chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, tài chính - ngân sách hằng năm; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. Người đứng đầu chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Chủ động phối hợp, tạo điều kiện triển khai các dự án hạ tầng, giao thông, logistics và các nhiệm vụ liên quan trên địa bàn; tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận, tham gia và giám sát quá trình thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động thành kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách và kế hoạch vốn; xác định rõ thứ tự ưu tiên, nguồn lực và tiến độ thực hiện.

- Chỉ đạo rà soát, cập nhật các nội dung của Chương trình trong Quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch tài chính và đầu tư công trung hạn; phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trên hành lang kinh tế và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) triển khai các nhiệm vụ liên vùng, liên quốc gia.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu sơ kết và tổng kết theo quy định.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo rà soát, ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực thuộc thẩm quyền để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

- Tăng cường giám sát chuyên đề đối với việc triển khai các dự án, cơ chế, chính sách về hạ tầng kết nối, logistics, thương mại, môi trường và phát triển bền vững.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện Chương trình; phát động các phong trào, hoạt động hướng về biển, đảo.

- Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với cơ chế, chính sách, chương trình, dự án có tác động trực tiếp đến người dân, môi trường và phát triển bền vững.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Chủ trì, hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Chương trình hành động này; định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền thường xuyên, thống nhất và hiệu quả.

- Theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; kịp thời đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về chủ quyền biển, đảo, biên giới và đường lối phát triển của Đảng, Nhà nước.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trong việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý những hạn chế, sai phạm; bảo đảm thực hiện nghiêm kỷ luật của Đảng.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chuyên viên Phòng TH-VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY LÀO CAI

Hoàng Giang

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 105 -CTr/TU ngày 30 /8/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai)

TT	Nội dung	Mục tiêu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030	Từ 10%/ năm trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
2	Tỷ trọng Công nghiệp - Xây dựng trong GRDP	Khoảng 43,5%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
3	Tỷ trọng dịch vụ trong GRDP	Khoảng 37,5%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
4	Tỷ trọng Nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP	Khoảng 12,4%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
5	Tỷ trọng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm trong GRDP	Khoảng 6,6%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
6	GRDP bình quân đầu người	Khoảng 136 triệu đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
7	Thu nhập bình quân đầu người	70 triệu đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
8	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	Trên 6,5%/năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	Dưới 42%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Nội dung	Mục tiêu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	36%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
11	Tỷ lệ đô thị hóa	Trên 38%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Phan Trung Bá – Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
12	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Khoảng 20%	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
13	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thuộc nhóm khá của cả nước	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
14	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân	Trên 12%/năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN QUAN TRỌNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Chương trình hành động số 103 -CTr/TU ngày 30/8/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai)

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Cá nhân phụ trách chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc	Thời hạn thực hiện (*)
I	**Các nhiệm vụ cần làm ngay trong năm 2026**				
1	Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, nhất là nhận thức về vai trò của tỉnh biên giới, cửa ngõ giao thương và hậu phương logistics trong chiến lược phát triển quốc gia hướng ra biển.	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng.	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Đồng chỉ Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Trước ngày 15/10/2026
2	Xây dựng, ban hành Kế hoạch hoặc Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hành động này, cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thành danh mục nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách, kế hoạch vốn và tiến độ thực hiện; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, tài chính - ngân sách hằng năm và trung hạn.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh	Trước ngày 15/10/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Cá nhân phụ trách chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc	Thời hạn thực hiện (*)
II	**Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình đến năm 2030**				
1	Rà soát, cập nhật, tích hợp các nội dung liên quan đến hành lang kinh tế, hạ tầng giao thông, logistics, thương mại, công nghiệp, du lịch, tài nguyên nước, môi trường và liên kết với các địa phương ven biển vào Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các cơ quan liên quan	Đồng chí Phan Trung Bá - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	2026 - 2027
2	Phối hợp triển khai tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; chuẩn bị các điều kiện về mặt bằng, tái định cư, vật liệu và kết nối tuyến với ga quốc tế Lào Cai, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, trung tâm logistics và cảng cạn.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường có tuyến đi qua và các cơ quan liên quan	Đồng chí Phan Trung Bá - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Trong giai đoạn 2026-2030 (Theo tiến độ dự án của Trung ương)
3	Xây dựng nền tảng logistics số và hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối hoạt động cửa khẩu, hải quan, vận tải đường bộ, đường sắt, kho bãi, cảng cạn và các cảng biển.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực VII và doanh nghiệp	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	2027 - 2029

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Cá nhân phụ trách chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc	Thời hạn thực hiện (*)
4	Triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia các nền tảng số, hệ thống phân phối trong nước và quốc tế.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các hiệp hội và doanh nghiệp	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh	2027 - 2030
5	Tăng cường liên kết thương mại, logistics và du lịch với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và các địa phương trên hành lang kinh tế; hình thành chuỗi cung ứng, sản phẩm du lịch liên vùng và cơ chế điều phối vận tải, lưu thông hàng hóa.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh	2027 - 2030
6	Triển khai chương trình quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước lưu vực sông Hồng, sông Chảy; tăng cường quan trắc, cảnh báo, chia sẻ dữ liệu và phòng ngừa sự cố môi trường xuyên biên giới, có nguy cơ tác động đến vùng hạ lưu và môi trường biển.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Công an tỉnh; các địa phương và doanh nghiệp	Đồng chí Nguyễn Thành Sinh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	2027 - 2030

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Cá nhân phụ trách chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc	Thời hạn thực hiện (*)
7	Kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh và an toàn các hành lang, công trình hạ tầng chiến lược	Đảng ủy UBND tỉnh	Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	2026-2030 (Thường xuyên)
8	Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	Đồng chí Nguyễn Minh Toàn - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	2026-2030 (Hằng năm)
9	Báo cáo sơ kết và tổng kết Chương trình	Đảng ủy UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Sơ kết: 2028; Tổng kết: 2030